

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 324/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 12 – 2025

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Công Trọn.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 403/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 514/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Châu Văn B, sinh năm 1962 (Có mặt);

Số căn cước công dân: 096062008119, cấp ngày 15/4/2022;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lý Thị S, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Châu Văn B là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Ông và bà Lý Thị S chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1986, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông, bà bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi thường xuyên, mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Ông và bà S không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Ông cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin Tòa án cho ông được ly hôn với bà Lý Thị S.

Về con chung: Ông B xác định: Ông, bà có bốn người con chung tên Châu Ngọc G, sinh năm: 1988 (đã chết); Châu Huỳnh N, sinh năm: 1990; Châu Huỳnh N1, sinh năm: 1993; Châu Khắc N2, sinh năm: 2002, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông B khai vợ chồng ông, bà không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Đối với bị đơn bà Lý Thị S, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà S đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bà S vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông Châu Văn B về việc xin ly hôn với bà Lý Thị S thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; bà S là bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Lý Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng bà S vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Châu Văn B và bà Lý Thị S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên, ông, bà chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên được chấp nhận là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của ông, bà có mâu thuẫn là đúng vì theo ông B thì vợ chồng ông, bà có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm, mâu thuẫn đỉnh điểm theo ông, bà không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau, cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi từ năm 2013 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này ông, bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ông B được ly hôn với bà S.

[4] Về con chung: Ông, bà có bốn người con chung tên Châu Ngọc G, sinh năm: 1988 (đã chết); Châu Huỳnh N, sinh năm: 1990; Châu Huỳnh N1, sinh năm: 1993; Châu Khắc N2, sinh năm: 2002, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông B xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông B khai vợ chồng ông, bà không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Châu Văn B về việc xin ly hôn bà Lý Thị S.

2. Về con chung: Ông, bà có bốn người con chung tên Châu Ngọc G, sinh năm: 1988 (đã chết); Châu Huỳnh N, sinh năm: 1990; Châu Huỳnh N1, sinh năm: 1993; Châu Khắc N2, sinh năm: 2002, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông B xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông B khai vợ chồng ông, bà không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định nhưng nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn dự nộp án phí và án phí ngày 06/11/2025 nên được miễn dự nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Ông Châu Văn B có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lý Thị S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Trần Văn Thời.
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thúy Dung